

Số: 07/BC-THNV

Mường Nhé, ngày 18 tháng 1 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2025

(Thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Phổ thông dân tộc Bán trú Tiểu học Nậm Vì.

Thuộc quản lý trực tiếp của: UBND xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

2. Địa Chỉ: bản Nậm Vì – xã Mường Nhé – tỉnh Điện Biên.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Trường PTDTBT TH Nậm Vì trực thuộc UBND xã Mường Nhé, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo và có chất lượng cao”

Tầm nhìn: “Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng, xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện”.

Mục tiêu của nhà trường:

Nhà trường quyết tâm xây dựng và giữ vững trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2, là trường có uy tín, chất lượng, là địa chỉ tin cậy mà cha mẹ học sinh lựa chọn để con, em mình học tập và rèn luyện; Là cơ sở đào tạo tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt với cộng đồng, có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi có đội ngũ giáo viên luôn năng động, sáng tạo vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Xây dựng trường học theo mô hình tiên tiến, hiện đại, duy trì hoạt động xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính

vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và trong sinh hoạt.

Xây dựng nhà trường thành một đơn vị giáo dục chất lượng cao, có uy tín trên địa bàn.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Nậm Vì được thành lập năm 2009 theo Quyết định số: 1394/QĐ-UBND ngày 18/08/2009 của UBND huyện Mường Nhé. Năm 2013 trường được đổi tên thành trường PTDTBT Tiểu học Nậm Vì theo

Quyết định số: 2183/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND huyện Mường Nhé.

Trường được công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định 1269/QĐ- UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Năm 2025 trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 theo quyết định số 61/QĐ – SGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2025. Công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định 242/QĐ –UBND ngày 11 tháng 02 năm 2025.

Năm học 2024 – 2025 nhà trường được công nhận “Tập thể LĐTT, UBND huyện tặng Giấy khen theo Quyết định 949/QĐ -UBND ngày 26/6/2026.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Họ và tên: Đồng Thị Thuý, chức vụ Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Phổ thông dân tộc Bán trú Tiểu học Nậm Vì -
Số điện thoại: 0912310214.

Địa chỉ thư điện tử: dongthuy.muongnhe@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

Quyết định thành lập trường: Trường Tiểu học Nậm Vì được thành lập theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2009 của Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện Mường Nhé về thành lập Trường Tiểu học Nậm Vì thuộc uỷ ban nhân dân huyện Mường Nhé.

Quyết định đổi tên trường: Trường Tiểu học Nậm Vì được đổi tên thành Trường PTDTBT TH Nậm Vì theo Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc đổi tên thành Trường PTDTBT TH Nậm Vì thuộc uỷ ban nhân dân huyện Mường Nhé.

Quyết định điều động và bổ nhiệm số 1987/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Mường Nhé về việc điều động và bổ nhiệm bà Đồng Thị Thuý giữ chức vụ Hiệu trưởng trường PTDTBT TH Nậm Vì

Quyết định điều động và bổ nhiệm số 291/QĐ-UBND, ngày 10/03/2023 của UBND huyện Mường Nhé về việc điều động và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm chức vụ Phó Hiệu trưởng, Trường PTDTBT TH Nậm Vì.

Quyết định bổ nhiệm số 134/QĐ-UBND, ngày 23/07/2025 của UBND huyện Mường Nhé về việc bổ nhiệm Ông Vũ Đình Liệu chức vụ Phó Hiệu trưởng, Trường PTDTBT TH Nậm Vì.

Sơ đồ bộ máy nhà trường:



Lý Xoan Cà	Hồ A Dì	Hà Song Toàn
Lê Thanh Kiên	Lường Văn Thương	Lường Thị Hậu
Đồng Thị Thuý	Vũ Đình Liệu	Tòng Văn Bảo
		Thắm Dương Pôn
Tổ Văn Phòng		
Lò Sơn Bình – Tổ trưởng		
Lò Thị thuý – Văn thư		
Nguyễn Bá Doãn – Y tế học đường		
Lùng Văn Hợp – Bảo vệ		

8. Các văn bản khác của nhà trường

Kế hoạch số 80/KH-NTr ngày 03 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học Nậm Vì về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Kế hoạch số 66/KH-NTr ngày 20 tháng 8 năm 2025 của trường Tiểu học Nậm Vì kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Kế hoạch số 87/KH-NTr ngày 05 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học Nậm Vì kế hoạch chuyên môn nhà trường năm học 2025-2026;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, CBQL, nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo vị trí việc làm

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34			26	0	0	0		22	1
I	Giáo viên	26			26	0	0		0	19	7
1	Văn hoá	22			22	0				16	6
2	Tiếng Anh	2			2	0				2	
	Mĩ thuật	1			1						1
	Thể dục	1			1					1	
II	Cán bộ quản lý	3			3					1	2
1	Hiệu trưởng	1			1						1
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1
III	Nhân viên	5			2	1	3	1			

1	Nhân viên văn thư	1			1		1				
2	Nhân viên kế toán						1				
3	Thiết bị thư viện	2			1	1					
4	Nhân viên y tế	1					1				
5	Nhân viên khác (Bảo vệ)	1						1			

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Nội dung		Năm học 2024-2025		
		Kết quả	Tổng số	Tỉ lệ (%)
Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp GV – chuẩn HT, PHT	Tốt	24	29	82,7
	Khá	5	29	17,3
	Đạt	0	29	0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Nội dung	Năm học 2024 - 2025		
	Tổng số	Kết quả Đạt	Tỉ lệ (%)
VCQL	3	3	100
Giáo viên	26	26	100
Nhân viên	5	5	100

Đánh giá chung: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục học sinh vùng dân tộc thiểu số.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Diện tích khuôn viên trường: 9.600 m². (Điểm trường Trung tâm: 3.900m² còn lại là ở các điểm trường lẻ)

- Phòng học:

Tổng số phòng học: 30 phòng; trong đó phòng kiên cố: 26 phòng.

Phòng chức năng, phòng phục vụ học tập và bán trú:

Phòng họp: 01, thư viện: 0, phòng y tế: 01, nhà ăn bán trú: 0, nhà ở bán trú cho học sinh: 16 phòng (Bán kiên cố: 08, phòng nhà tôn: 08)

Trang thiết bị, đồ dùng dạy học:

Được trang bị theo danh mục tối thiểu của Bộ GD&ĐT.

Một số thiết bị còn thiếu, chưa đồng bộ; điều kiện sử dụng CNTT còn hạn chế do hạ tầng mạng.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Công tác tự đánh giá: Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Căn cứ Điều 34 của Quy định về tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức đánh giá của Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Vì đạt **Mức 1**. Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Vì tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 1**.

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục:

Thời gian công nhận: năm 2025

Kết quả kiểm tra chất lượng cuối học kỳ I Năm học 2025 – 2026.

1.1. Môn học và các hoạt động giáo dục

KHỐI	HS được đánh giá	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	127	Tiếng việt	24	18,9	103	81,1	0	
		Toán	47	37	80	63	0	
2	125	Tiếng việt	12	9,6	113	90,4	0	
		Toán	44	35,2	81	64,8	0	
3	129	Tiếng việt	24	18,6	105	81,4	0	
		Toán	36	27,9	93	72,1	0	
		Tiếng Anh	19	14,7	110	85,3	0	
		Tin học	17	13,2	112	86,8	0	
4	126	Tiếng việt	26	20,6	100	79,4	0	
		Toán	31	24,6	95	75,4	0	
		Khoa học	22	17,5	104	82,5	0	
		Lsử - Đlý	30	23,8	96	76,2	0	
		T. Anh	19	15,1	107	84,9	0	

		Tin học	23	18,3	103	81,7	0	
5	126	Tiếng việt	15	11,9	109	86,5	2	1,6
		Toán	26	20,6	100	79,4	0	
		Khoa học	40	31,7	86	68,3	0	
		Lsử - Đlý	48	38,1	78	61,9	0	
		T. Anh	18	14,3	108	85,7	0	
		Tin học	18	14,3	108	85,7	0	

1.2. Về phẩm chất

TT	Nội dung	Tổng số HS	Khối lớp					Ghi chú
			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	
1	Yêu nước	Tốt	30	7	23	55	12	
		Đạt	97	118	106	71	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2	Nhân ái	Tốt	23	7	23	56	12	
		Đạt	104	118	106	70	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
3	Chăm chỉ	Tốt	23	7	23	30	12	
		Đạt	104	118	106	96	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
4	Trung thực	Tốt	22	7	23	30	12	
		Đạt	105	118	106	96	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
5	Trách nhiệm	Tốt	22	7	23	30	12	
		Đạt	105	118	106	96	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	

1.3. Về năng lực

a) Năng lực chung

TT	Nội dung	Mức đạt	Khối lớp					Ghi chú
			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	
1	Năng lực tự chủ và tự học	Tốt	23	7	22	27	12	
		Đạt	104	118	107	99	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	

2	Năng lực giao tiếp và hợp tác	Tốt	23	7	22	27	12	
		Đạt	104	118	107	99	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
3	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	23	7	22	30	12	
		Đạt	104	118	107	96	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	

b) Năng lực đặc thù:

TT	Nội dung	Mức đạt	Khối lớp					Ghi chú
			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	
1	Ngôn ngữ	Tốt	24	7	22	30	12	
		Đạt	103	118	107	96	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2	Tính toán	Tốt	24	7	22	30	12	
		Đạt	103	118	107	96	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
3	Tin học	Tốt			22	29	12	
		Đạt			107	97	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
4	Công nghệ	Tốt			22	32	12	
		Đạt			107	94	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
5	Khoa học	Tốt	24	7	22	31	12	
		Đạt	103	118	107	95	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
6	Thẩm mỹ	Tốt	24	7	22	27	12	
		Đạt	103	118	107	99	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
7	Thể chất	Tốt	24	7	22	27	12	
		Đạt	103	118	107	99	114	
		Cần cố gắng	0	0	0	0	0	

V. CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA NƯỚC NGOÀI HOẶC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TÍCH HỢP

1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

Thực hiện chương trình tích hợp giáo dục STEM, giáo dục địa phương theo chương trình GDPT 2018; chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số, Học bạ số.

2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục: Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục chủ yếu là tiếng Việt.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công tác tuyển sinh của cơ sở giáo dục, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh và các thông tin liên quan

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, 100% học sinh là người dân tộc thiểu số, 19 học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Huy động trẻ 6 tuổi trong địa bàn tuyển sinh của trường ra lớp đạt tỷ lệ 100%.

TT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Chỉ tiêu tuyển sinh	126/6 lớp	130/6 lớp
2	Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển hồ sơ	Xét tuyển hồ sơ
3	Số lượng tuyển sinh/Nữ	126/69	130/58
4	Tỷ lệ tuyển sinh	100%	100%
5	Tổng số học sinh/Số học sinh nữ	649/335	648/324
-	<i>Khối 1</i>	126/69	130/58
-	<i>Khối 2</i>	130/58	131/68
-	<i>Khối 3</i>	132/67	129/65
-	<i>Khối 4</i>	129/66	131/74
-	<i>Khối 5</i>	131/75	125/58
6	Số học sinh bình quân/lớp		
-	<i>Khối 1</i>	21	22
-	<i>Khối 2</i>	22	22
-	<i>Khối 3</i>	33	32

-	Khối 4	32	33
-	Khối 5	33	31
7	Số học sinh học 02 buổi/ngày		
-	Khối 1	126	130
-	Khối 2	130	131
-	Khối 3	132	129
-	Khối 4	129	131
-	Khối 5	131	125
8	Số học sinh là người dân tộc thiểu số/Nữ	649/335	648/324
9	Số học sinh khuyết tật/Nữ	19/7	21/8
10	Số học sinh chuyển đến/Nữ	0/0	2/1
11	Số học sinh chuyển đi/Nữ	0/0	0/0

b) Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5 về việc Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể (*Phụ lục đính kèm*).

Năm học 2025-2026, trường có 24 lớp/ 649 học sinh, bình quân 27 HS/lớp; trong đó số học sinh khối 1 là 6 lớp với 126/69 nữ, khối lớp 2 có 6 lớp với 130/58 nữ, khối lớp 3 có 4 lớp với 132/67 nữ, khối lớp 4 có 4 lớp với 129/66 nữ, khối lớp 5 có 4 lớp với 131/75 nữ; số học sinh đúng 6 tuổi huy động ra lớp trên địa bàn 126 học sinh đạt tỷ lệ 100%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Tổng số học sinh: 649 em; trong đó 100% học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số.

Chất lượng giáo dục:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học: 100%.

Tỷ lệ học sinh được đánh giá hoàn thành tốt nội dung học tập và rèn luyện: 99,8%.

Các hoạt động giáo dục khác: Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục văn hóa truyền thống dân tộc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Các hoạt động khác

3.1. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Triển khai nhiệm vụ và thực hiện xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn giao thông, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh.

Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; bồi dưỡng học sinh còn hạn chế.

Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh trong xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường. Huy động mọi nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

Phối hợp với UBND xã Mường Nhé, công an khu vực xã Mường Nhé trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

3.2. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

Tổ chức chương trình bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo cho học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực, chú trọng phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề.

Các hoạt động tổ chức chào mừng ngày 20/11, kỷ niệm 80 năm thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12. Chương trình trao tặng mũ bảo hiểm cho HS lớp 1 năm học 2024 - 2025 với chủ đề “Giữ trọn ước mơ”. Tổ chức hoạt động thi diễn thời trang, vui xuân, đón tết Ất Ty 2025.

Sân chơi “Trạng nguyên tiếng Việt” trên internet cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 năm học 2024 – 2025. Ngày hội viết chữ đẹp cấp trường, Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và tham gia cấp quận.

3.3. Thực đơn hằng ngày của học sinh: Xây dựng thực đơn hàng tuần, thay đổi món ăn, đảm bảo phù hợp cho học sinh và đảm bảo an toàn cho học sinh, đăng trên cổng thông tin của trường hằng tuần.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình thu chi ngân sách

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Các khoản chi lương, bồi	Đồng	6.797.447.324	Cả năm

	dưỡng chuyên môn			học
2	Mức thu nhập hàng tháng của CBQL, GV, nhân viên	Đồng	534.030.432	1 tháng
2.1	<i>Mức cao nhất</i>	Đồng	22.155.458	1 tháng
2.2	<i>Mức bình quân</i>	Đồng	9.385.152	1 tháng
2.3	<i>Mức thấp nhất</i>	Đồng	6.000.000	1 tháng
3	Chi công cụ dụng cụ, vật tư văn phòng, CMNV	Đồng	64.220.000	Cả năm học

2, Thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo ND 116, hỗ trợ chi phí học tập, miễn học phí, giảm học phí đối với học sinh theo ND 81, chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT 42, hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú.

STT	Nội dung	Số người	Số tiền (đồng)		Ghi chú
			Ngân sách cấp	HS nộp theo quy định	
1	Đối tượng được hưởng chính sách bán trú	421	1.639.374.000		4 tháng cuối năm 2024
		421	1.970.280.000		5 tháng đầu năm 2025
2	Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ CPHT	647	388.200.000		4 tháng cuối năm 2024
		647	485.250.000		5 tháng đầu năm 2025
3	Đối tượng được hỗ trợ nấu ăn	5	63.180.000		4 tháng cuối năm 2024
		5	78.975.000		5 tháng đầu năm 2025
		17	127.296.000		4 tháng cuối năm 2024
4	Chế độ hỗ trợ trẻ khuyết tật	22	205.920.000		5 tháng đầu năm 2025

3. Các khoản thu và mức thu đối với người học

STT	Nội dung	Số người	Số tiền / HS	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nộp học phí 30%	0	0	0	
		0	0	0	

Nguồn kinh phí:

Ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

Các nguồn hỗ trợ, tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

Tình hình quản lý, sử dụng tài chính: Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện đúng chế độ, chính sách; đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của Nhà nước và ngành giáo dục.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Trong năm học 2024-2025, nhà trường đã thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ lớp 1 đến lớp 5 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 2 buổi/ngày.

1. Nâng cao chất lượng đội ngũ

Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tự bồi dưỡng, học tập để nâng cao năng lực chuyên môn. Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên của trường sau khi được tập huấn từ các cấp trong hệ và trong năm học.

Tổ chức triển khai thực hiện giáo dục STEM, giảng dạy tài liệu giáo dục địa phương theo từng chủ đề. Triển khai thực hiện học bạ số theo hướng dẫn.

Tổ chức bồi dưỡng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ trong dạy học và giáo dục, đặc biệt là giúp giáo viên biết cách phối hợp với đồng nghiệp, tổ chuyên môn cùng cha mẹ học sinh triển khai, thực hiện hiệu quả các hình thức học tập của học sinh tại nhà. Tổ chức các tiết chuyên đề, thao giảng cấp trường cho giáo viên được giao lưu, chia sẻ nhằm giúp giáo viên học hỏi được kinh nghiệm từ đồng nghiệp. 100% giáo viên

được tham gia các lớp tập huấn cấp trường, giáo viên được phân công tập huấn cấp quận, thành phố tham gia học tập tốt.

- Thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình kịp thời tư vấn, hỗ trợ việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, trong năm học đã tổ chức chuyên đề, thao giảng ở đều các khối lớp tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi học tập lẫn nhau.

2. Thực hiện các kế hoạch/ mô hình/ đề án,...

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018.

Trong năm học, trường căn cứ các công văn hướng dẫn của Phòng Giáo dục, Sở GD&ĐT triển khai tổ chức dạy học tài liệu giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 4, 5 được Bộ GD&ĐT phê duyệt³. Chỉ đạo từng tổ chuyên môn thực hiện theo chỉ đạo của Sở, Phòng GD&ĐT mà nhà trường đã triển khai thực hiện đến từng giáo viên Công văn số 3014/SGDĐT-GDTH ngày 29/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức giảng dạy tài liệu nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học và Công văn số 1021/PGDĐT-NV ngày 06/10/2024 của Phòng GD&ĐT về hướng dẫn tổ chức giảng dạy tài liệu nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học.

Triển khai giáo dục STEM cho 100% học sinh toàn trường. Các tổ khối thực hiện 4 chủ đề/năm học. Mỗi lớp đều có góc thư viện lớp và góc STEM. Giáo viên các lớp phát huy tối đa Góc thư viện lớp để có nhiều tài liệu phục vụ tích cực hiệu quả cho việc dạy, học của giáo viên và học sinh. Thực hiện dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” cho 100% học sinh toàn trường.

3. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số

Năm học 2024-2025, nhà trường thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi số thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và tổ chức các hoạt động. Có 100% giáo viên thường xuyên thực hiện giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện cho việc thống kê điểm số, học bạ và các thông tin liên quan đến HS; các ứng dụng sử dụng phần mềm SMAS, CSDL để quản lý HS và các phần mềm khác. Cán bộ quản lý sử dụng chữ ký số trong sử dụng tài chính và các văn bản báo cáo hàng tháng. Tổ chức thao giảng môn công nghệ có tích hợp chuyển đổi số trong dạy học.

Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số, hồ sơ điện tử

Năm học 2024-2025, chỉ đạo 100% giáo viên thực hiện học bạ điện tử trên cơ sở dữ liệu ngành. Cuối năm học Phòng GD&ĐT triển khai đến trường việc đăng ký chữ ký số để tiến tới thực hiện học bạ số, nhà trường đã đăng ký chữ ký số cho 100% giáo viên. Phối hợp với Công ty VNPT tổ chức tập huấn cho cán

bộ, giáo viên sử dụng chữ ký số. Triển khai thực hiện phần mềm hồ sơ điện tử trong toàn trường thực hiện từ đầu năm học 2024-2025.

Giáo viên đạt thành tích cao trong các hội thi, giao lưu cấp huyện. Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện có 9 giáo viên và cấp tỉnh có 01 giáo viên bảo lưu.

4. Công tác truyền thông

Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018, chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của phụ huynh đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo của quận, đặc biệt là việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2024- lớp 1, 2, 3, 4, 5.

Tổ chức và định hướng truyền thông, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của Ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện tuyên truyền đến giáo viên, học sinh, phụ huynh và cộng đồng thông qua việc tuyên truyền lồng ghép vào các buổi sinh hoạt đầu tuần, các lần họp phụ huynh nhà trường đã photo chương trình GDPT 2018 phát và giới thiệu cụ thể, rõ ràng, thực hiện in bảng tuyên truyền về chương trình GDPT 2018 treo trước cổng trường để phụ huynh dễ dàng tìm hiểu.

Đánh giá chung: Trong năm 2025, Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Vì cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao; chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong điều kiện đặc thù vùng cao, biên giới.

Trên đây là báo cáo thường niên cuối năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Vì theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đông Thị Thuý

